

DANH SÁCH
Học sinh trúng tuyển vào lớp 10 Trường Trung học phổ thông Chuyên Cao Bằng năm học 2025 - 2026
Khóa ngày 03 tháng 6 năm 2025

(Kèm theo Quyết định số 884/QĐ-SGDĐT ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo)

Môn chuyên: Ngữ văn

TT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh trường	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh	Điểm môn chuyên	Tổng điểm
1	09.304	NÔNG ÁNH DIỆU LY	Nữ	Nùng	18/09/2010	Cao Bằng	THCS Đề Thám	10.00	9.00	9.75	9.00	46.75
2	09.126	NGUYỄN HOÀNG TÂM ĐAN	Nữ	Tày	06/09/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	8.25	8.75	9.00	9.00	44.00
3	09.291	VŨ CHÂU LOAN	Nữ	Kinh	05/06/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	8.75	8.50	8.50	8.75	43.25
4	09.439	HÀ PHƯƠNG TÂM	Nữ	Tày	17/03/2010	Cao Bằng	THCS Nước Hai	8.25	9.00	9.75	7.75	42.50
5	09.284	NGÔN DIỆU LINH	Nữ	Nùng	10/11/2010	Cao Bằng	THCS Sông Hiến	8.25	9.00	9.00	8.00	42.25
6	09.099	NHÂM THẢO CHI	Nữ	Nùng	04/01/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	8.25	8.25	9.00	8.00	41.50
7	09.404	TẠ TÂM NHƯ	Nữ	Nùng	10/06/2010	Cao Bằng	THCS Sông Hiến	7.75	9.25	8.25	8.00	41.25
8	09.373	NGUYỄN KHÁNH NGỌC	Nữ	Kinh	21/05/2010	Thành phố Hà Nội	THCS Hợp Giang	7.50	9.25	6.50	9.00	41.25
9	09.273	ĐINH THỊ HOÀNG LÊ	Nữ	Tày	17/07/2010	Cao Bằng	THCS Ngọc Xuân	8.00	8.50	8.50	8.00	41.00
10	09.377	PHẠM BẢO NGỌC	Nữ	Kinh	25/04/2010	Hải Phòng	THCS Hợp Giang	8.00	8.00	8.75	8.00	40.75
11	09.123	LƯƠNG LỆ ĐAM	Nữ	Nùng	09/06/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	8.25	8.75	9.50	7.00	40.50
12	09.132	HOÀNG LỤC QUANG ĐẠT	Nam	Tày	09/01/2010	Cao Bằng	THCS Chu Trinh	9.25	8.00	8.75	7.25	40.50
13	09.187	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG	Nam	Tày	25/08/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	8.75	8.25	8.25	7.00	39.25
14	09.208	LÊ LINH HƯƠNG	Nữ	Tày	25/03/2010	Cao Bằng	THCS Bế Triều	8.00	8.50	8.25	7.25	39.25
15	09.387	ĐÀM THỦY NGUYỆT	Nữ	Nùng	18/01/2010	Cao Bằng	THCS Cao Bình	8.25	8.75	9.00	6.50	39.00
16	09.048	SÀM BẢO ANH	Nữ	Nùng	22/05/2010	Cao Bằng	THCS Ngọc Xuân	8.25	8.25	9.50	6.50	39.00
17	09.120	LÂM ÁNH DƯƠNG	Nữ	Nùng	04/11/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	7.00	7.75	7.25	8.50	39.00
18	09.195	HOÀNG THỊ THU HỒNG	Nữ	Tày	21/06/2010	Cao Bằng	THCS Phục Hòa	8.00	8.50	8.25	7.00	38.75
19	09.389	MÔNG THỊ THANH NHÀN	Nữ	Nùng	17/08/2010	Cao Bằng	THCS Đề Thám	8.25	8.25	8.75	6.75	38.75
20	09.482	NGUYỄN THỊ THU TRÀ	Nữ	Tày	01/02/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	8.25	9.00	8.00	6.75	38.75
21	09.353	LONG HẢI NAM	Nam	Nùng	10/07/2010	Cao Bằng	THCS Phục Hòa	8.00	8.25	7.25	7.50	38.50
22	09.087	NGUYỄN NGỌC BẢO CHÂU	Nữ	Tày	13/01/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	8.25	8.00	6.00	8.00	38.25
23	09.343	LỤC TRÀ MY	Nữ	Tày	29/09/2010	Cao Bằng	THCS Hòa Chung	8.25	7.50	8.00	7.25	38.25

TT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh trường	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh	Điểm môn chuyên	Tổng điểm
24	09.228	LỤC KHÁNH HUYỀN	Nữ	Tày	11/09/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	8.25	8.50	9.00	6.25	38.25
25	09.215	TRIỆU THANH HƯƠNG	Nữ	Tày	26/02/2010	Cao Bằng	TH và THCS Xuân Nội	7.25	8.75	7.00	7.50	38.00
26	09.487	LÊ NGỌC BẢO TRÂM	Nữ	Tày	23/09/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	8.25	8.75	8.00	6.25	37.50
27	09.540	LƯƠNG HÀ VY	Nữ	Nùng	16/03/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	8.00	8.25	7.75	6.75	37.50
28	09.102	VŨ THÙY CHI	Nữ	Tày	09/10/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	8.00	8.00	9.00	6.25	37.50
29	09.400	NÔNG HOÀNG GIA NHI	Nữ	Nùng	15/07/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	7.75	8.50	7.50	6.75	37.25
30	09.356	HỨA DIỆU NGÀ	Nữ	Tày	14/06/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	8.25	8.25	8.50	6.00	37.00
31	09.156	LỤC HUY HẢI	Nam	Nùng	16/03/2010	Cao Bằng	THCS Ngọc Xuân	8.00	7.50	9.25	6.00	36.75
32	09.279	HÀ NGỌC LINH	Nữ	Nùng	30/09/2010	Cao Bằng	THCS Ngọc Xuân	8.00	7.75	8.75	6.00	36.50
33	09.417	HOÀNG TRƯỜNG PHÚC	Nam	Tày	23/02/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	7.75	8.50	8.25	6.00	36.50
34	09.035	NGUYỄN NGỌC ANH	Nữ	Kinh	17/02/2010	Cao Bằng	THCS Hòa Chung	8.50	8.50	6.75	6.25	36.25
35	09.184	VÕ THỊ THU HOÀI	Nữ	Tày	03/06/2010	Cao Bằng	THCS Cao Bình	8.00	8.50	7.75	6.00	36.25

Danh sách gồm 35 học sinh./.